

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học
của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đúng quy định hiện hành.

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đã rà soát, thẩm định kết quả đánh giá và nhất trí điều chỉnh mức đánh giá Tiêu chí 9.4 từ mức 3 thành mức 4.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÔN NGỮ BÁP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,90	45	90

Phụ lục II
KIỂM NGHIỆM TIỀN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÔN NGỮ PHÁP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Ngôn ngữ Pháp (NNP) trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; được rà soát, điều chỉnh và cập nhật, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật giáo dục đại học. chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của người học sau khi hoàn thành CTĐT; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung cơ bản, cần thiết, có cập nhật số tín chỉ và học phần cũng như bảng ma trận kết nối chuẩn đầu ra. Các đề cương học phần trong CTĐT có các thông tin cơ bản cần thiết, được rà soát, cập nhật/bổ sung; được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau cho các bên liên quan, nhất là cho người học. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, nhân viên, người học đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT thuận tiện qua trang thông tin điện tử của Trường.

3. Chương trình dạy học được thiết kế theo yêu cầu của chuẩn đầu ra CTĐT về kiến thức, kỹ năng, thái độ với các nhóm học phần. Các học phần trong chương trình dạy học xác định tổ hợp các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với việc đạt chuẩn đầu ra. Cấu trúc của chương trình dạy học thể hiện sự gắn kết thống nhất giữa các học phần đại cương và chuyên ngành được bố trí hợp lý với trình tự phù hợp. Các đề cương học phần có thể hiện học phần tiên quyết, thời lượng cho mỗi học phần và học kỳ thực hiện. Chương trình dạy học được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật, có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên để triển khai thực hiện; được giới thiệu tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy học/phương pháp dạy - học được thiết kế đa dạng, phù hợp. Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT sử dụng các phương pháp học tập phù hợp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho người học. Giảng viên sử dụng các hoạt động dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho sinh viên.

5. Các quy định/quy trình về đào tạo và kiểm tra đánh giá được quy định rõ

ràng, được thông báo đến giảng viên và người học. Thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cơ chế phúc khảo được quy định rõ ràng và thông báo cho sinh viên vào các buổi học đầu tiên của mỗi học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng nhằm đo lường các yêu cầu, chuẩn đầu ra của học phần. Quy trình coi thi, chấm thi chặt chẽ đảm bảo tính công bằng. Quy trình thi kết thúc học phần, được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và người học. Người học được phản hồi, được công bố cho người học kịp thời đúng quy định, được phổ biến đầy đủ các quy định, biểu mẫu về phúc khảo bài thi/kiểm tra. Số lượng người học khiếu nại điểm thi rất ít và đều được giải quyết thỏa đáng, kịp thời đúng quy định.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch và phát triển dựa trên nhu cầu và đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch. Việc được quản trị kết quả công việc được triển khai thực hiện dựa trên các văn bản quy định, đánh giá, phân loại và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Quy định về các loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học mà giảng viên, nghiên cứu viên phải thực hiện được quy định rõ ràng, thuận lợi cho đánh giá, giám sát.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch theo chiến lược phát triển, quy hoạch nhân lực của đội ngũ nhân viên trong từng giai đoạn. Đội ngũ nhân viên Nhà trường khá ổn định, được phân công hợp lý theo Đề án Vị trí việc làm, đảm bảo về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định với các tiêu chí rõ ràng, được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. Quy trình, công cụ, tiêu chí và các biểu mẫu về đánh giá, xếp loại năng lực đội ngũ nhân viên được quy định đầy đủ; được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, được phân tích, đánh giá. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được triển khai thực hiện góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên được xác định cụ thể, được đánh giá hiệu quả làm việc, được công nhận và khen thưởng theo kết quả công việc.

8. Chính sách và các quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá lấy ý kiến các bên liên quan, được cập nhật hàng năm. Việc theo dõi và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được triển khai trong suốt quá trình học tập. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát kịp thời. Việc tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký học, đăng ký thi, đăng ký thi cải thiện/trả nợ của sinh viên đều thực hiện đều thực hiện trên trang web đào tạo tin chỉ của Trường, tạo sự thuận lợi và đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai thực hiện, được đánh giá theo các năm trong giai. Môi trường tâm lý xã

hội, cảnh quan của trường (xanh hoá, đa dạng và chú trọng) tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân người học, được sinh viên đánh giá cao.

9. Hệ thống phòng học và chức năng và trang thiết bị phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác; tỉ lệ diện tích sàn xây dựng đáp ứng quy định hiện hành. Thư viện có đủ phòng đọc, có phần mềm; các nội quy, quy định, quy trình quản lý, sử dụng, thu nhận tài liệu; kết nối được với thư viện nhiều trường đại học trong cả nước. Phần mềm và cơ sở dữ liệu thống kê số lượt bạn đọc ra, vào, số lượt mượn, lượt truy cập tài liệu, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng thực hành/studio với các trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu, phù hợp; có quy trình quản lý, nhật ký sử dụng và thanh lý tài sản, máy móc thiết bị; có người phụ trách các phòng được tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng cho đào tạo trực tuyến, các phần mềm hỗ trợ cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và có đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định, an toàn hệ thống công nghệ thông tin. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được quy định cụ thể; phân công chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng quản lí, triển khai, thực hiện hàng năm.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với các đơn vị liên quan đến hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; có các quy định và công cụ để thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học. Quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học được thực hiện theo các quy định của Trường để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra và được người học đánh giá thông qua đánh giá học phần của sinh viên. Giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, có kết quả được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, có sự kết nối thông qua hoạt động của Hội đồng ĐBCL, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống phản hồi được rà soát, cải tiến.

11. Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan. Xác định được tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng 4 năm trung bình của ngành khá cao là 85,07%; có 92,93% sinh viên tốt nghiệp hoàn thành khóa học nhận bằng tốt nghiệp đại học so với sinh viên năm cuối; thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,11 năm. 2 đề tài nghiên cứu khoa học, 2 bài báo; kinh phí chi cho hoạt động khoa học công nghệ của sinh viên trong 5 năm là 14 triệu đồng. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện với các

nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngành NNP ngày một tốt hơn.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Bổ sung khả năng nghiên cứu khoa học, sáng tạo vào mục tiêu chung của CTĐT theo Luật Giáo dục đại học và giá trị cốt lõi của Trường; xem xét giảm bớt số lượng chuẩn đầu ra của CTĐT tránh trùng lặp; phát biểu chuẩn đầu ra cô đọng, sử dụng các động từ phù hợp, đo lường được để thuận tiện cho việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; xác định rõ chuẩn đầu ra về kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp theo Khung trình độ quốc gia và năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc; khai thác và sử dụng hiệu quả, đầy đủ các góp ý chuyên sâu của các bên liên quan về chuẩn đầu ra của CTĐT, nhất là đại diện đa dạng các nhà sử dụng lao động, chuyên gia và cựu người học; giải thích rõ cho người học hiểu đúng ý nghĩa và nội hàm của chuẩn đầu ra CTĐT, tránh nhầm lẫn với điều kiện xét tốt nghiệp hoặc yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ.

2. Bổ sung vào bản mô tả CTĐT sơ đồ tóm tắt trình tự giảng dạy các học phần, ma trận tương thích với mục tiêu của CTĐT, ma trận liên kết chuẩn đầu ra và các học phần của CTĐT; rà soát, điều chỉnh, cập nhật các đề cương học phần về cả biểu mẫu và nội dung; bổ sung bảng ma trận liên kết chuẩn đầu ra và nội dung của học phần với phương pháp/hình thức tổ chức dạy học, các bảng tiêu chí/rubrics đánh giá vào các đề cương học phần tương ứng; định kỳ khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về các hình thức, nội dung và cách thức công bố các bản mô tả CTĐT để có cơ sở cải tiến.

3. Xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về thiết kế chương trình dạy học dựa trên chuẩn đầu ra, hướng dẫn chọn lọc tổ hợp phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nhóm/loại chuẩn đầu ra khác nhau theo từng cấp độ, định kỳ và đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của tổ hợp này để liên tục cải tiến; thể hiện sự phân nhiệm chính xác, cân đối và hợp lý các chuẩn đầu ra trong bảng ma trận của CTĐT vào các học phần; định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan/tổ chức thẩm định về sự tương thích và phù hợp của các chuẩn đầu ra trong các bảng ma trận, nhất là từ các chuyên gia; bổ sung các học phần tự chọn liên thông với các ngành khác trong Trường/Đại học Huế, tích hợp các học phần thuộc kỹ năng thực hành tiếng theo xu hướng tích hợp hiện nay; thực hiện đối sánh với các chương trình dạy học tương đương ở nước ngoài để có thêm cơ sở cải tiến.

4. Hướng dẫn giảng viên cách thức lồng ghép/chuyển tải Triết lý giáo dục

và giá trị cốt lõi vào hoạt động dạy và học cụ thể, đặc biệt là phổ biến cho sinh viên trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa và cho giảng viên trong các cuộc họp; tăng cường sử dụng hình thức đóng vai, trò chơi, bài tập tình huống và lớp học đảo ngược, chiếu phim, làm video clips thể hiện đủ trong các đề cương học phần; thường xuyên tổ chức tập huấn/tọa đàm về đổi mới phương pháp dạy - học theo chuẩn đầu ra có sự tham gia rộng rãi của nhiều giảng viên, đặc biệt với các chuyên gia quốc tế về dạy ngoại ngữ; tăng số lượng người học tham gia nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp, tăng cường giao lưu trao đổi, tọa đàm với cựu người học, doanh nghiệp và các chuyên gia ngành NNP, tư vấn hướng nghiệp, hội chợ việc làm, câu lạc bộ/cuộc thi và talkshow học thuật, giao lưu văn hóa với khách mời có sử dụng tiếng Pháp, trao đổi sinh viên với các trường đại học có ngành NNP.

5. Xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về kiểm tra đánh giá theo các loại chuẩn đầu ra và cách thức xây dựng ma trận đề thi; tăng cường tập huấn chuyên sâu về phương pháp kiểm tra đánh giá, xây dựng các rubrics, ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra; xây dựng và ban hành quy định xây dựng và quản lý ngân hàng câu hỏi thi/đề thi kết thúc học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, bổ sung mẫu phiếu đánh giá khóa luận tốt nghiệp có rubrics chi tiết bám sát được tất cả các chuẩn đầu ra; tăng cường xây dựng và sử dụng hiệu quả các rubrics chi tiết, nhất là đánh giá thái độ, kỹ năng mềm của người học trong các hoạt động nhóm, tiểu luận, thuyết trình, bài tập dự án; tổ chức phân tích kết quả học tập của người học để xem xét điều chỉnh cải tiến độ giá trị và độ tin cậy của đề thi/kiểm tra đánh giá; định kỳ tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học/năm học, trao đổi trực tiếp với người học để xem xét mức độ sử dụng việc phản hồi để cải thiện việc học của người học; lấy ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về cơ chế, quy trình khiếu nại, phúc khảo để có cơ sở cải tiến; xem xét cơ chế quy định cho người học biết đáp án hoặc được giải đáp thắc mắc sau khi được chấm điểm phúc khảo/thi kết thúc học phần để người học rút kinh nghiệm học tập.

6. Xây dựng đề án phát triển đội ngũ giảng viên trong đó có dự báo, định biên, kế hoạch thực hiện phù hợp đáp ứng chỉ tiêu tiến sĩ, giáo sư/phó giáo sư theo Chiến lược phát triển Nhà trường; rà soát, bổ sung chính sách thu hút đề tuyển dụng đội ngũ giảng viên, đặc biệt đảm bảo duy trì ngành và phù hợp với quy mô tuyển sinh; tăng cường đội ngũ giảng viên trình độ thạc sĩ học tiếp nghiên cứu sinh, tăng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ đủ điều kiện bổ nhiệm phó giáo sư; ban hành quy định về tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ (KPIs) để tạo động lực cho giảng viên; phát triển phần mềm quản lý và giám sát kết quả thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo bồi dưỡng, chú trọng các nội dung nâng cao năng lực giảng viên; xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác, hợp tác để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; tạo động lực cho giảng viên viết bài đăng trên các tạp chí có uy tín cũng như tạp chí quốc tế.

7. Tăng cường số lượng và chất lượng các khảo sát về nhu cầu, mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và sử dụng kết quả khảo sát để phân tích dự báo, quy

hoạch; bổ sung chính sách thu hút đủ hấp dẫn trong tuyển dụng và đãi ngộ, truyền thông rộng rãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng bộ tiêu chí định lượng, dễ đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách đầy đủ và chính xác, công bằng, đúng quy trình; tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho đối tượng nhân viên phù hợp với vị trí việc làm và cần phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng nghiệp vụ cao hiệu quả cũng như chất lượng đội ngũ nhân viên; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị; xây dựng biểu mẫu kế hoạch cá nhân cho nhân viên và có các khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm để nâng cao số lượng, chất lượng thí sinh, thu hút sinh viên vào Trường; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tư vấn tuyển sinh; đối sánh công tác tuyển sinh với trường tương đương nhằm đưa ra được các tiêu chí lựa chọn người học sát với chỉ tiêu của ngành và điều kiện giảng dạy thực tế của Trường; rà soát các quy định về công tác cố vấn học tập, quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ sinh viên, và một số quy định về sự hỗ trợ giám sát sinh viên; đánh giá hoạt động giám sát của các đơn vị được phân công theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện; rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và hỗ trợ việc làm, chú trọng các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tạo dựng môi trường/không khí học thuật trong sinh viên; tổ chức tọa đàm giữa các chuyên gia, các cựu sinh viên với sinh viên năm cuối để chuẩn bị kiến thức cần thiết cho sinh viên trước khi ra trường, tăng cường giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp, theo dõi, đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; xây dựng quy tắc ứng xử ngắn gọn, dễ nhớ, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện; thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm nhất là việc vệ sinh chất lượng ăn uống, nước sinh hoạt; định kỳ kiểm nghiệm nước uống sinh hoạt của sinh viên; thành lập văn phòng tư vấn tâm lý thực hiện chức năng tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

9. Xây dựng phương án thiết kế để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, lãnh đạo khoa theo quy định; có chính sách thúc đẩy, khuyến khích phát triển tài liệu nội sinh; biên soạn và ghi rõ giáo trình, tài liệu dành cho CTĐT hoặc mua từ các nhà xuất bản của các tác giả ngoài Trường; tổ chức thẩm định nội dung, phê duyệt giáo trình, tài liệu phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT/học phần; rà soát hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết để bổ sung, có kế hoạch mua mới và đảm bảo quy định về bản quyền; khai thác hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; khai thác tối đa và đẩy mạnh nền tảng số để đáp ứng các yêu cầu các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong chu kỳ đánh giá; đa dạng hóa các bên liên quan trong việc khảo sát hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học của hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thực hành tiếng, hệ thống công nghệ thông tin, về môi trường, sức khỏe và

an toàn cần, phân định rõ theo từng CTĐT, nội dung khảo sát bám sát các yêu cầu mốc chuẩn và văn bản hiện hành.

10. Khảo sát nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của bên sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; rà soát, đánh giá, cập nhật, cải tiến quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, chương trình dạy học; đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, chương trình dạy học phù hợp với quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021; rà soát, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học đảm bảo độ tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; tách kết quả đánh giá cho từng CTĐT; phân tích, đối sánh kết quả đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn sâu với lĩnh vực phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT; đánh giá đầy đủ, đồng bộ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; thống nhất các tiêu chí đánh giá; tách riêng kết quả khảo sát làm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT; rà soát, đánh giá thường xuyên và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nhất là các bên liên quan bên ngoài Trường.

11. Có các giải pháp phù hợp để giảm tỷ lệ thôi học; cải tiến chất lượng đào tạo rút ngắn thời gian đào tạo bằng cách có sinh viên tốt nghiệp trước hạn; chú trọng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong sinh viên; khuyến khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học; thực hiện đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng quản trị theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện tốt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành NNP.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.